

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2021
“*V/v tranh chấp: Xin ly hôn
và nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Út

2. Ông Phan Văn Huy

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký tòa án nhân dân Thành phố Hà Tiên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa:
bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “*Xin ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc L sinh năm 1987 (Có mặt).

HKTT: Ấp B xã thành phố C tỉnh C.

Địa chỉ hiện nay: Tổ 10, khu phố 3, phường Đ, thành phố H tỉnh K.

Bị đơn: Anh Lê Minh K sinh năm 1970 (Có mặt).

HKTT: Ấp B xã L thành phố C tỉnh C.

Địa chỉ hiện nay: Tổ 10, khu phố 3, phường Đ, thành phố H tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 29/10/2020, biên bản ghi nhận ý kiến đương sự ngày 24/12/2020, ngày 29/01/2021 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Ngọc L trình bày:

Chị và anh Lê Minh K chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005 có làm đám cưới nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu

hạnh phúc và sinh được 03 con chung gồm: 1/ Lê Thị Huỳnh N sinh ngày 17/6/2006; 2/ Lê Thị Huỳnh H sinh ngày 13/7/2008 và Lê Phi T sinh ngày 29/9/2010. Tuy nhiên thời gian về sau vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không còn quan tâm chăm sóc nhau, dù đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không được nên hiện vợ chồng đã ly thân 02 năm nay. Nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Lê Minh K
- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về nợ chung và cho vay nợ: Không có nợ chung và không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai ngày 09/11/2020, và tại các biên bản ghi nhận ý kiến bị đơn và tại phiên tòa anh Lê Minh K trình bày:

Anh K thống nhất với trình bày của chị L, anh và chị Phạm Ngọc L chung sống với nhau vào năm 2005, có đám cưới tại quê nhà ở Cà M nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, có được 03 người con chung 1/ Lê Thị Huỳnh N sinh ngày 17/6/2006; 2/ Lê Thị Huỳnh H sinh ngày 13/7/2008 và Lê Phi T sinh ngày 29/9/2010. Thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách và hiện anh chị đã ly thân 02 năm. Nay vợ khởi kiện xin ly hôn thì anh có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Phạm Ngọc L.
- Về con chung: Có 03 người con chung anh yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con theo ai người đó nuôi, nếu con theo anh thì anh nuôi và không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về nợ chung và cho vay nợ: Không có nợ chung và không cho ai vay nợ.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Tiên phát biểu quan điểm về vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Nhìn chung kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự.
- Về nội dung vụ án: Do chị L và anh K chung sống với nhau không có đăng

ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K là vợ chồng, về con chung giao 3 con chung cho chị L nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị L và nguyện vọng của ba con chung, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu. Các vấn đề còn lại chị L không có yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí buộc chị L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên nhân xin ly hôn do trong thời gian sống chung chị L và anh K thường bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, dù đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không được, vợ chồng đã ly thân 02 năm nay dẫn đến việc chị L nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh K. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh K đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã động viên, làm việc nhằm hàn gắn hôn nhân cho anh chị nhưng hai bên vẫn cương quyết ly hôn. Xét yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ.

Tuy nhiên chị L và anh K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005 nhưng đến nay không có đăng kết hôn theo quy định. Do đó hôn nhân giữa chị L và anh K là không hợp pháp và đã vi phạm điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Đồng thời căn cứ khoản 2 Điều 53 và khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Liên và anh K.

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này”.

[3] Về con chung: Chị L và anh K có 03 người con chung gồm: 1/ Lê Thị Huỳnh N sinh ngày 17/9/2006; 2/ Lê Thị Huỳnh H sinh ngày 13/7/2008 và Lê Phi T sinh ngày 29/6/2010. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Xét yêu cầu của chị L là phù hợp với nguyện vọng của 03 cháu cũng muốn sống chung với chị L được thể hiện trong biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 25/11/2020 và 15/12/2020. Hơn nữa anh K cũng đồng ý giao 03 con chung cho chị L nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung và cho vay nợ: Không có nợ chung và không cho ai vay nợ.

[6] Về án phí: Chị L có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1./ Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Ngọc L và anh Lê Minh K là vợ chồng.

2./ Về con chung: Giao 03 người con chung gồm 1/ Lê Thị Huỳnh N sinh ngày 17/6/2006; 2/ Lê Thị Huỳnh H sinh ngày 13/7/2008 và Lê Phi T sinh ngày 29/9/2010 cho chị Phạm Ngọc L nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lê Minh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Anh Lê Minh K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cấm cản.

3./ Về tài sản chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4./ Về nợ chung: Không có nợ và không cho ai vay nợ nên không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ vào điều 144, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị Phạm Ngọc L yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0009131 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên (đã thực hiện xong).

6. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/02/2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP Hà Tiên
- Chi cục Thi Hành Án DS TP Hà Tiên
- Những người TGT;
- Lưu tập án, hồ sơ
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Đình Đăng